**đề kiểm tra CUỐI học kì II**

**môn Khoa học tự nhiên 6**

**A. KHUNG MA TRẬN**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra cuối học kì II.*

**- Thời gian làm bài:** *60 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm khách quan và tự luận (tỉ lệ 40% TNKQ, 60% TL).*

**- Cấu trúc:** Gồm các chủ đề: Chủ đề: **Chủ đề 4: Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng; Tính chất và ứng dụng của chúng. Chủ đề 5: Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch. Tách chất ra khỏi hỗn hợp. Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống**. **Chủ đề 9: Lực. Chủ đề 10: Năng lượng và cuộc sống, Chủ đề 11. Trái Đất và bầu trời.**

- Mức độ đề: *50% nhận biết; 30% thông hiểu; 20% vận dụng*

- Phần trắc nghiệm khách quan: 4,0 điểm, gồm 16 câu hỏi ở mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng.

- Phần tự luận: 6,0 điểm *(nhận biết 3 điểm; thông hiểu: 2 điểm; vận dụng cao: 1,0 điểm)*

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu (ý)** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **Chủ đề 4: Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng. tính chất và ứng dụng của chúng**  **(7 tiết)** | 2 |  | 1 |  |  |  |  |  | 3 |  | 0,75 |
| **Chủ đề 5: Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch. Tách chất ra khỏi hỗn hợp (5 tiết)** | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 | 1 | 1,75 |
| **Chủ đề 8. Đa dạng thế giới sống *(12 tiết)*** | 2 | 1 | 1 |  | 1 |  |  |  | 4 | 1 | 2.5 |
| **Chủ đề 9. Lực (9 tiết)** |  |  |  |  | 2 |  |  | 1 | 2 | 1 | 1.5 |
| **Chủ đề 10. Năng lượng và cuộc sống (9 tiết)** | 1 |  | 1 | 1 |  |  |  |  | 2 | 1 | 2,5 |
| **Chủ đề 11. Trái Đất và bầu trời (7 tiết)** | 2 |  | 1 |  | ~~1~~ |  |  |  | 4 |  | 1 |
| **Số câu/Số ý TL** | 8 | 2 | 4 | 1 | 4 |  |  | 1 | 16 | 4 |  |
| **Điểm số** | **2,0** | **3,0** | **1,0** | **2,0** | **1,0** |  |  | **1,0** | **4,0** | **6,0** | **10,0** |
| **Tổng số điểm** | **5 điểm** | | **3 điểm** | | **1điểm** | | **1 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**B. BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi (ý)** | | | | **Câu hỏi** | | | |
| **TNKQ** | | **TL** | **TNKQ** | | | **TL** |
| **Chủ đề 4: Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng. tính chất và ứng dụng của chúng**  **(7 tiết)** | | | | | | | | | |
| – Một số vật liệu  – Một số nhiên liệu  – Một số nguyên liệu  – Một số lương thực – thực phẩm | **Nhận biết** | – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh,... | **1** | |  | **C1** | | |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ... | **1** | |  | **C3** | | |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm trong cuộc sống. | **1** | |  | **C4** | | |  |
| **Thông hiểu** | – Trình bày được sơ lược về an ninh năng lượng. |  | |  |  | | |  |
| – Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm. |  | |  |  | | |  |
| **Vận dụng** | - Đưa ra được cách sử dụng một số nhiên liệu, an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. |  | |  |  | | |  |
| - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số nguyên nhân gây ra ngộ độc thực phẩm |  | |  |  | | |  |
| **Chủ đề 5: Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch. Tách chất ra khỏi hỗn hợp (5 tiết)** | | | | | | | | | |
| Chất tinh khiết, hỗn hợp.  Một số phương pháp Tách chất ra khỏi hỗn hợp | **Nhận biết** | – Nêu được khái niệm hỗn hợp. |  | | **1/2** |  | | | **C17a** |
| – Nêu được khái niệm chất tinh khiết. |  | |  |  | | |  |
| – Nhận ra được một số khí cũng có thể hoà tan trong nước để tạo thành một dung dịch. |  | |  |  | | |  |
| – Nhận ra được một số các chất rắn hoà tan và không hoà tan trong nước. |  | |  |  | | |  |
| – Nêu được phương pháp đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó. |  | | **1/2** |  | | | **C17b** |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được dung môi và dung dịch |  | |  |  | | |  |
| – Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất. |  | |  |  | | |  |
| – Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương. | **1** | |  | **C2** | | |  |
| – Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hoà tan trong nước. |  | |  |  | | |  |
| **Vận dụng** | – Thực hiện được thí nghiệm để biết dung môi là gì. |  | |  |  | | |  |
| – Thực hiện được thí nghiệm để biết dung dịch là gì. |  | |  |  | | |  |
| – Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn. |  | |  |  | | |  |
| – Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết. |  | |  |  | | |  |
| – Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết. |  | |  |  | | |  |
| **Chủ đề 8. Đa dạng thế giới sống *(12 tiết)*** | | | | | | | | | |
| - Sự đa dạng | **Nhận biết** | Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. | **1** | |  | **C15** | | |  |
| Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, …) | **1** | | **1** | **C14** | | | **C20** |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ. | **1** | |  | **C13** | | |  |
| - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. |  | |  |  | | |  |
| - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình. |  | |  |  | | |  |
| **Vận dụng** | Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.  Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học. | **1** | |  | **C16** | | |  |
| **Vận dụng cao** | - Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. |  | |  |  | | |  |
| - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...). |  | |  |  | | |  |
| - Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một  số nhóm sinh vật. |  | |  |  | | |  |
| - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật  ngoài thiên nhiên. |  | |  |  | | |  |
| - Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống). |  | |  |  | | |  |
| - Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. |  | |  |  | | |  |
| **Chủ đề 9. Lực (9 tiết)** | | | | | | | | | |
| – Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc | **Nhận biết** | - Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc. |  | |  |  | | |  |
|  | - Lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc. |  | |  |  | | |  |
| - Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực. |  | |  |  | | |  |
| **Thông hiểu** | - Chỉ ra được lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc. |  | |  |  | | |  |
| – Ma sát | **Nhận biết** | - Kể tên được ba loại lực ma sát. |  | |  |  | | |  |
| - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát nghỉ. |  | |  |  | | |  |
| - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát lăn. |  | |  |  | | |  |
| - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát trượt. |  | |  |  | | |  |
| **Thông hiểu** | - Chỉ ra được nguyên nhân gây ra lực ma sát. |  | |  |  | | |  |
| - Nêu được khái niệm về lực ma sát trượt (ma sát lăn, ma sát nghỉ). Cho ví dụ. |  | |  |  | | |  |
| - Phân biệt được lực ma sát nghỉ, lực ma sát trượt, lực ma sát lăn. |  | |  |  | | |  |
| **Vận dụng** | - Chỉ ra được tác dụng cản trở hay tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát nghỉ (trượt, lăn) trong trường hợp thực tế. |  | |  |  | | |  |
| **-** Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ. |  | |  |  | | |  |
| – Lực cản của nước | **Nhận biết** | - Lấy được ví dụ vật chịu tác dụng của lực cản khi chuyển động trong môi trường (nước hoặc không khí). |  | |  |  | | |  |
| **Thông hiểu** | - Chỉ ra được chiều của lực cản tác dụng lên vật chuyển động trong môi trường. |  | |  |  | | |  |
| **Vận dụng** | - Lấy được ví dụ thực tế và giải thích được khi vật chuyển động trong môi trường nào thì vật chịu tác dụng của lực cản môi trường đó. |  | |  |  | | |  |
| – Khối lượng và trọng lượng | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm về khối lượng. |  |  | |  | |  | |
| - Nêu được khái niệm lực hấp dẫn. |  |  | |  | |  | |
| - Nêu được khái niệm trọng lượng. |  |  | |  | |  | |
| **Thông hiểu** | - Đọc và giải thích được số chỉ về trọng lượng, khối lượng ghi trên các nhãn hiệu của sản phẩm tên thị trường. |  |  | |  | |  | |
| - Giải thích được một số hiện tượng thực tế liên quan đến lực hấp dẫn, trọng lực. |  |  | |  | |  | |
| **Vận dụng** | Xác định được trọng lượng của vật khi biết khối lượng của vật hoặc ngược lại | **1** | **1** | | **C6** | | **C19** | |
| – Biến dạng của lò xo | **Nhận biết** | - Nhận biết được khi nào lực đàn hồi xuất hiện. |  |  | |  | |  | |
| - Lấy được một số ví dụ về vật có khả năng đàn hồi tốt, kém. |  |  | |  | |  | |
| - Kể tên được một số ứng dụng của vật đàn hồi. |  |  | |  | |  | |
| **Thông hiểu** | - Chỉ ra được phương, chiều của lực đàn hồi khi vật chịu lực tác dụng. |  |  | |  | |  | |
| - Chứng tỏ được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo |  |  | |  | |  | |
| **Vận dụng** | - Giải thích được một số hiện tượng thực tế về: nguyên nhân biến dạng của vật rắn; lò xo mất khả năng trở lại hình dạng ban đầu; ứng dụng của lực đàn hồi trong kĩ thuật. | **1** |  | | **C8** | |  | |
| **Chủ đề 10. Năng lượng và cuộc sống (9 tiết)** | | | | | | | | | |
| – Khái niệm về năng lượng  – Một số dạng năng lượng | **Nhận biết** | - Chỉ ra được một số hiện tượng trong tự nhiên hay một số ứng dụng khoa học kĩ thuật thể hiện năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực. |  | |  |  | | |  |
| - Kể tên được một số nhiên liệu thường dùng trong thực tế. |  | |  |  | | |  |
| - Kể tên được một số loại năng lượng. |  | |  |  | | |  |
| **Thông hiểu** | - Nêu được nhiên liệu là vật liệugiải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy. Lấy được ví dụ minh họa. |  | |  |  | | |  |
| - Phân biệt được các dạng năng lượng. |  | | **1/2** |  | | | **C18a** |
| - Chứng minh được năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực. |  | |  |  | | |  |
| **Vận dụng** | - Giải thích được một số vật liệu trong thực tế có khả năng giải phóng năng lượng lớn, nhỏ. |  | |  |  | | |  |
| - So sánh và phân tích được vật có năng lượng lớn sẽ có khả năng sinh ra lực tác dụng mạnh lên vật khác. |  | |  |  | | |  |
| – Sự chuyển hoá năng lượng | **Nhận biết** | - Chỉ ra được một số ví dụ trong thực tế về sự truyền năng lượng giữa các vật. | **1** | |  | **C5** | | |  |
| - Phát biểu được định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng. |  | |  |  | | |  |
| **Thông hiểu** | - Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh hoạ. |  | | **1/2** |  | | | **C18b** |
| **-** Giải thích được các hiện tượng trong thực tế có sự chuyển hóa năng lượng chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. |  | |  |  | | |  |
| **Vận dụng** | - Vận dụng được định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng để giải thích một số hiện tượng trong tự nhiên và ứng dụng của định luật trong khoa học kĩ thuật. |  | |  |  | | |  |
| - Lấy được ví dụ thực tế về ứng dụng trong kĩ thuật về sự truyền nhiệt và giải thích được. |  | |  |  | | |  |
| – Năng lượng hao phí  – Năng lượng tái tạo  – Tiết kiệm năng lượng | **Nhận biết** | - Lấy được ví dụ về sự truyền năng lượng từ vật này sang vật khác từ dạng này sang dạng khác thì năng lượng không được bảo toàn mà xuất hiện một năng lượng hao phí trong quá trình truyền và biến đổi. |  | |  |  | | |  |
| - Chỉ ra được một số ví dụ về sử dụng năng lượng tái tạo thường dùng trong thực tế. |  | |  |  | | |  |
| **Thông hiểu** | - Nêu được sự truyền năng lượng từ vật này sang vật khác từ dạng này sang dạng khác thì năng lượng không được bảo toàn mà xuất hiện một năng lượng hao phí trong quá trình truyền và biến đổi. Lấy được ví dụ thực tế. | **1** | |  | **C7** | | |  |
| **Vận dụng** | - Đề xuất biện pháp và vận dụng thực tế việc sử dụng nguồn năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. |  | |  |  | | |  |
| **Chủ đề 11. Trái Đất và bầu trời (7 tiết)** | | | | | | | | | |  | | - Đề xuất biện pháp và vận dụng thực tế việc sử dụng nguồn năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. |
| – Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời | **Nhận biết** | - Mô tả được quy luật chuyển động của Mặt Trời hằng ngày quan sát thấy. | **1** | |  | **C9** | | |  |
| **Thông hiểu** | - Giải thích được quy luật chuyển động mọc, lặn của Mặt Trời. | **1** | |  | **C11** | | |  |
| **Vận dụng** | - Giải thích quy luật chuyển động của Trái Đất, Mặt Trời, Mặt Trăng. | **1** | |  | **C12** | | |  |
| **Vận dụng cao** | - Vận dụng quy luật chuyển động của Trái Đất, Mặt Trời, Mặt Trăng để ứng dụng, giải thích các hiện tượng thực tế. |  | |  |  | | |  |
| – Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng | **Nhận biết** | - Nêu được các pha của Mặt Trăng trong Tuần Trăng. |  | |  |  | | |  |
| **Thông hiểu** | - Giải thích được các pha của Mặt Trăng trong Tuần Trăng. | **1** | |  | **C10** | | |  |
| **Vận dụng** | - Thiết kế mô hình thực tế bằng vẽ hình, phần mền thông dụng để giải thích được một số hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng trong Tuần Trăng. |  | |  |  | | |  |
| – Hệ Mặt Trời  – Ngân Hà | **Nhận biết** | - Nêu được Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng; Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời. |  | |  |  | | |  |
| - Nêu được hệ Mặt Trời là một phần nhỏ của Ngân Hà. |  | |  |  | | |  |
| **Thông hiểu** | - Mô tả được sơ lược cấu trúc của hệ Mặt Trời, nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kì quay khác nhau. |  | |  |  | | |  |
| - Giải thích được hình ảnh quan sát thấy về sao chổi. |  | |  |  | | |  |
| - Giải thích được hệ Mặt Trời là một phần nhỏ của Ngân Hà. |  | |  |  | | |  |

**PHÒNG GDĐT PHÚ HÒA ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II, NĂM HỌC 2022 – 2023**

**TRƯỜNG THCS NGUYỄN THẾ BẢO MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6**

**Thời gian: 60 phút *( không kể thời gian phát đề )***

Đề kiểm tra có 02 trang

ĐỀ CHÍNH THỨC

**PHẦN A: TRẮC NGHIỆM (4 điểm). Hãy khoanh tròn vào một trong các chữ cái A, hoặc B, C, D đứng trước phương án chọn đúng.**

**Câu 1: Nhà máy sản xuất rượu vang dùng quả nho để lên men. Vậy nho là**

A. vật liệu. B. nhiên liệu. C. khoáng sản. D. nguyên liệu.

**Câu 2: Hai chất lỏng không hoà tan vào nhau nhưng khi chịu tác động, chúng lại phân tán vào nhau gọi là**

A. dung dịch B. huyền phù C. nhũ tương D. chất tinh khiết

**Câu 3: Người ta khai thác than đá để cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện sản xuất điện. Lúc này, than đá được gọi là**

A. nhiên liệu. B. Vật liệu. C. nguyên liệu. D. vật liệu hoặc nguyên liệu

**Câu 4: Nhóm lương thực – thực phẩm nào nên ăn đủ là**

A. muối B. lương thực. C. đường. D. dầu mỡ.

**Câu 5:Khi bếp ga hoạt động thì có sự chuyển hóa:**

A. Hóa năng thành nhiệt năng. B. Điện năng thành cơ năng.

C. Điện năng thành hóa năng. D. Nhiệt năng thành điện năng.

**Câu 6:Một cặp sách có trọng lượng 30N thì có khối lượng bao nhiêu gam?**

A. 30g. B. 0,3g. C. 3000g. D. 300g.

**Câu 7: Khi bắn cung, mũi tên nhận được năng lượng và bay đi. Mũi tên có dạng năng lượng nào sau đây:**

A. Động năng B. Thế năng đàn hồi

C. Thế năng hấp dẫn D. Vừa động năng vừa thế năng hấp dẫn

**Câu 8: Một lò xo xoắn có độ dài ban đầu là 10,5cm. Khi treo một quả cân 100g thì độ dài của lò xo là 11cm. Nếu treo quả cân 500g thì lò xo bị dãn ra so với ban đầu một đoạn bao nhiêu?**

A. 0,5cm B. 1cm C. 2cm D. 2,5cm

**Câu 9: Trái Đất có hiện tượng ngày và đêm luân phiên là do**

A. Mặt Trời mọc ở đẳng đông, lặn ở đẳng tây.

B. Trái Đất tự quay quanh trục của nó theo hướng từ tây sang đông.

C. Trái Đất tự quay quanh trục của nó theo hướng từ đông sang tây.

D. Mặt Trời chuyển động từ đông sang tây.

**Câu 10: Ta nhìn thấy Mặt Trăng vì:**

A. Mặt Trăng tự phát ra ánh sáng. B. Mặt Trăng phản xạ ánh sáng Mặt Trời.

C. ánh sáng Mặt Trăng hướng về Trái Đất. D. toàn bộ Mặt Trăng được Mặt Trời chiếu sáng.

**Câu 11: Trái đất chuyển động tự quay quanh trục của nó gây ra hiện tượng:**

A. các mùa trong năm. B. ngày và đêm trên trái đất.

C. ngày ngắn đêm dài. D. ngày dài đêm ngắn.

**Câu 12: Thời gian Trái Đất quay quanh Mặt Trời được một vòng là**

A. 365,25 ngày. B. 29,5 ngày. C. 24h. D. 1 tháng.

**Câu 13: Nhóm động vật nào dưới đây không thuộc ngành động vật có xương sống?**

A. Bò sát  B. Lưỡng cư  C. Chân khớp D. Thú

**Câu 14: Vai trò nào dưới đây không phải của đa dạng sinh học đối với tự nhiên?**

A. Điều hòa khí hậu                           C. Bảo vệ nguồn nước

B. Cung cấp nguồn dược liệu               D. Duy trì sự ổn định của hệ sinh thái

**Câu 15: Loài động vật nào dưới đây thuộc lớp Thú?**

A. Cá heo    B. Cá mập C. Cá chim D. Cá chuồn

**Câu 16: Biện pháp nào sau đây không phải là bảo vệ đa dạng sinh học?**

A. Nghiêm cấm phá rừng để bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật.

B. Cấm săn bắt, buôn bán, sử dụng trái phép các loài động vật hoang dã.

C. Tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong nhân dân để mọi người tham gia bảo vệ rừng.

D. Dừng hết mọi hoạt động khai thác động vật, thực vật của con người.

**II. TỰ LUẬN (6 điểm)**

**Câu 17 (1,5đ)**

. a. Phân biệt chất tinh khiết, hỗn hợp, cho ví dụ?

b. Trình bày một số phương pháp đơn giản để tách các chất ra khỏi hỗn hợp. Trong các phương pháp đó trình bày những lưu ý khi áp dụng phương pháp?

**Câu 18.(2đ)**

a. Theo nguồn tạo ra năng lượng, năng lượng được chia thành các dạng nào?

b. Phát biểu định luật bảo toàn năng lượng?

**Câu 19.** **(1,0 đ)** Một vật có trọng lượng P = 54N và khối lượng riêng D = 2700 kg/m3.

a. Tính khối lượng của vật.

b. Tính thể tích của vật. Nếu thể tích tăng lên thì khối lượng của vật như thế nào?

**Câu 20.** **(1,5 đ)**

a. Em hãy nêu vai trò của đa dạng sinh học trong thực tiễn, lấy ví dụ?

b. Em cần làm gì để bảo vệ đa dạng sinh học?

-----------------------Hết--------------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II LỚP 6**

**TRẮC NGHIỆM: 4 điểm (Đúng mỗi câu được 0,25đ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| Đáp án | D | C | A | B | A | C | D | D | B | C | B | A | C | B | A | D |

**B. TỰ LUẬN: 6 điểm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Nội dung | Điểm |
| 17  (1,5 điểm) | a. - Chất tinh khiết (chất nguyên chất) được tạo ra từ một chất duy nhất. Vd: Nước cất  - Hỗn hợp được tạo ra khi hai hay nhiều chất trộn lẫn với nhau. Vd: Nước đường. | 0,25  0,25  0,25 |
| b. + Phương pháp lọc: Dùng để tách chất rắn không tan ra khỏi hỗn hợp lỏng.     + Phương pháp cô cạn: Dùng để tách chất rắn tan (không hóa hơi khi gặp nhiệt độ cao) ra khỏi dung dịch hỗn hợp lỏng.    + Phương pháp chiết: Dùng để tách các chất lỏng ra khỏi hỗn hợp lỏng không đồng nhất. | 0,25  0,25  0,25 |
| 18  (2,0 điểm) | a. - Các dạng năng lượng thường gặp là: động năng, thế năng hấp dẫn, năng lượng hóa học (hóa năng), năng lượng điện (điện năng), năng lượng ánh sáng (quang năng), năng lượng nhiệt (nhiệt năng), năng lượng âm… | 1 |
| b. Năng lượng không tự nhiên sinh ra cũng không tự nhiên mất đi,nó chuyển từ dạng này sang dạng khác hoặc chuyển từ vật này sang vật khác. | 1 |
| 19  (1 điểm) | a. Một vật có trọng lượng P = 54N thì có khối lượng là:  Từ công thức P = 10.m  => m = = = 5,4 (kg ) | 0,5 |
| b. Vật đó có thể tích là:  Từ công thức:  Nếu thể tích của vật tăng lên thì khối lượng của vật không thay đổi. | 0,5 |
| 20  (1,5 điểm) | | a. Trong thực tiễn, đa dạng sinh học cung cấp các sản phẩm sinh học cho con người như:  - Cung cấp lương thực, thực phẩm.  + Ví dụ: các loại rau quả, thịt, cá,…  - Là nơi bảo tồn sinh vật, phát triển du lịch.  + Ví dụ: rừng Quốc gia  - Cung cấp nguyên, vật liệu, dược liệu…  + Ví dụ: Lim, sến, nhân sâm làm thuốc, …  - Phân hủy xác sinh vật, giúp làm sạch môi trường và cân bằng sinh thái  + Ví dụ: Các nhóm vi khuẩn, nấm , trai… | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| b. - Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ đa dạng sinh học  - Bảo vệ môi trường sống quanh em  - Trồng nhiều cây xanh, … | 0,5 |